

Điền động từ trong ngoặc vào chỗ trống. Chỉ dùng thể khẳng định (+) và phủ định (-).

1. I _____ a student. (+) (be)
2. She _____ to school yesterday. (+) (go)
3. They _____ at home last night. (-) (be)
4. He _____ football every Sunday. (+) (play)
5. We _____ busy tomorrow. (-) (be)
6. My mother _____ dinner yesterday. (-) (cook)
7. I _____ happy today. (-) (be)
8. They _____ English next week. (+) (study)
9. He _____ to work every day. (-) (go)
10. My father _____ a doctor in the future. (+) (be)